

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MỸ ĐỨC
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 108/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 17 – 5 - 2022

V/v Tranh chấp ly hôn

và nuôi con chung

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỸ ĐỨC – THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Bùi Thị Hồng

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Tiến Bộ

Ông Lê Mạnh Nhanh

- Thư ký phiên tòa: bà Đinh Thị Thùy Linh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mỹ Đức, TP. Hà Nội

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỹ Đức tham gia phiên tòa: ông Nguyễn Quang Hòa - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 5 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mỹ Đức xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 58/2022/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 3 năm 2022 về tranh chấp Ly hôn và nuôi con chung theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 34/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 22 tháng 4 năm 2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1996. Có mặt.

Nơi cư trú: Đội 1, xã T, huyện T, Thành phố Hà Nội

- Bị đơn: Anh Đặng Văn H, sinh năm 1990. Vắng mặt

Nơi cư trú: thôn Đ, xã A, huyện M, Thành phố Hà Nội.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện, bản tự khai, lời khai và các tài liệu tại Tòa án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị T trình bày:

Năm 2013 chị có tìm hiểu và tự nguyện đăng ký kết hôn với anh Đặng Văn H tại UBND xã An Phú. Sau khi kết hôn vợ chồng về chung sống tại xã An Phú, vợ chồng chung sống hạnh phúc được thời gian đầu, sau đó thì nảy sinh mâu thuẫn,

nguyên nhân là do anh H chơi bời, lười lao động và không có trách nhiệm với gia đình vợ con, khi chị tham gia góp ý thì vợ chồng lại cãi vã lẫn nhau, anh H còn xúc phạm chị, sự việc kéo dài thời gian được khoảng hơn một năm, thì chị ly thân do không thể tiếp tục níu kéo, duy trì hạnh phúc, và không chịu đựng được. Từ thời điểm sống ly thân đến nay, mỗi người ở một nơi, không ai còn quan tâm đến ai, tình cảm vợ chồng đã hết. Chị đề nghị Tòa án giải quyết cho được ly hôn với anh H để ổn định cuộc sống.

Về con chung: Anh, chị có một con chung là Đặng Thị Trà M, sinh ngày 15/7/2013. Hiện tại con chung đang ở với chị T, vợ chồng ly hôn chị xin được nuôi con chung và không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con chung, hiện tại chị đi làm có thu nhập và có chỗ ở ổn định.

Về tài sản, công sức và nợ chung: Chị trình bày không có tài sản chung và công nợ chung vợ chồng

Về phía Bị đơn là anh Đặng Văn H không có lời khai và quan điểm trình bày do không đến Tòa án làm việc theo giấy triệu tập của Tòa án.

Xác minh qua chính quyền địa phương và qua bố mẹ đẻ của anh H thấy rằng: Anh H hiện có hộ khẩu và đang cư trú tại thôn Đồng Chiêm, xã An Phú, huyện Mỹ Đức, thành phố Hà Nội, chưa cắt chuyển và đăng ký tạm vắng, tạm trú hộ khẩu đi đâu. Ông Đặng Trần Hoàn (bố đẻ) và bà Bạch Thị Nhật (mẹ đẻ) của anh H cho biết, anh H vì mưu sinh nên đi làm nghề tự do tại tỉnh Thái Bình nên không có địa chỉ làm việc cụ thể nhưng ông Hoàn, bà Nhật vẫn liên lạc được với anh H qua số điện thoại của anh H và đã giao các văn bản tố tụng của Tòa án cho anh H, bản thân anh H thỉnh thoảng mới về nhà thăm bố mẹ. Quan điểm anh H được truyền đạt lại, anh đồng ý ly hôn với chị T và đề nghị Tòa án giải quyết vụ việc theo pháp luật. Ông Hoàn, bà Nhật nhận trách nhiệm, thông báo hoặc giao tận tay các văn bản tố tụng của Tòa án và thông báo cho anh H ngay trong ngày để anh H biết và làm việc với Tòa án.

Tại phiên tòa, chị T vẫn giữ quan điểm yêu cầu khởi kiện như đã trình bày.

Ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát:

Việc chấp hành theo quy định pháp luật của Thẩm phán: Thẩm phán trong quá trình giải quyết vụ án đã làm đúng qui trình tố tụng, không có vi phạm gì, đã xác định đúng tư cách của đương sự, giải quyết đúng thời hạn của vụ án.

Về thời hạn chấp hành theo quy định pháp luật của HĐXX: Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng quy định của pháp luật về phiên tòa sơ thẩm.

Việc chấp hành theo quy định pháp luật của các đương sự, trong quá trình giải quyết vụ án: nguyên đơn Nguyễn Thị T đã chấp hành đầy đủ quy định của pháp luật có liên quan trong việc thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình, bị đơn Đặng Văn H dù được triệu tập và giao các văn bản tố tụng hợp lệ nhưng đều không đến làm việc, nên đề nghị Tòa án tiến hành giải quyết vắng mặt bị đơn theo quy định tại khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử xử cho chị Nguyễn Thị T được ly hôn anh Đặng Văn H; về con chung: sau ly hôn giao cháu Đặng Thị Trà M, sinh ngày 15/7/2013 cho chị T nuôi; ghi nhận chị T không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con chung cho đến khi 18 tuổi hoặc cho đến khi các đương sự có yêu cầu mới về người trực tiếp nuôi con và trợ cấp nuôi con chung;

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu nên không xem xét giải quyết;

Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo qui định pháp luật;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: chị Nguyễn Thị T khởi kiện xin ly hôn anh Đặng Văn H có hộ khẩu thường trú và cư trú tại: thôn Đồng Chiêm, xã An Phú, huyện Mỹ Đức, thành phố Hà Nội theo quy định tại khoản 1 điều 28, điểm a khoản 1 điều 35, điểm a khoản 1 điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 đây là tranh chấp hôn nhân gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Mỹ Đức.

Anh Đặng Văn H dù đã được Tòa án triệu tập, tổng đạt văn bản tố tụng hợp lệ nhiều lần nhưng đều không đến làm việc và không tham gia phiên tòa. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo thủ tục chung.

[2] Về quan hệ hôn nhân: chị Nguyễn Thị T và anh Đặng Văn H kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã An Phú, huyện Mỹ Đức, thành phố Hà Nội ngày 26/6/2013 nên quan hệ hôn nhân giữa anh chị T và anh H là hợp pháp. Quá trình chung sống được một năm thì anh chị đã ly thân, Do vậy khẳng định hôn nhân không hạnh phúc do thời gian ly thân kéo dài nhiều năm, anh chị vẫn không đoàn tụ được mà người lại, chị T trình bày tình cảm của mình với anh H đã hết. Xét thấy mục đích của hôn nhân không đạt được, yêu cầu ly hôn của chị T và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỹ Đức là có căn cứ

theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về con chung: Xét yêu cầu nuôi con chung của chị T thì thấy: Từ khi vợ chồng ly thân, cháu M ở với chị T, được chăm sóc, nuôi dưỡng ổn định và phát triển bình thường, hiện tại anh H lại đi làm ăn xa, ít có mặt ở địa phương nên điều kiện nuôi con chung không được đảm bảo. để bảo vệ quyền lợi về mọi mặt của con chung, cần chấp nhận yêu cầu của chị T và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỹ Đức, theo đó giao cháu M cho chị T tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp theo quy định tại Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình, đồng thời ghi nhận sự tự nguyện của chị T không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con chung là không trái pháp luật.

[4] Về tài sản chung, công nợ chung: chị T xác nhận không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết. Phía anh H vắng mặt, chưa cso quan điểm trình bày nên cần thiết tách phần tài sản chung, công nợ chung để vợ chồng (nếu có) để giải quyết sau ly hôn khi anh H có yêu cầu và đủ điều kiện khởi kiện về chia tài sản chung, công nợ chung vợ chồng.

[5] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình.

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố 4 tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 Chương III Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị T.

1. Về quan hệ hôn nhân: chị Nguyễn Thị T được ly hôn anh Đặng Văn H.

2. Về con chung: Anh, chị có một con chung: Đặng Thị Trà M, sinh ngày 15/7/2013. Giao cháu M cho chị T được tiếp tục trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng, ghi nhận sự tự nguyện của chị T không yêu cầu anh H trợ cấp nuôi con chung cho đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc đến khi các bên có yêu cầu mới về người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh Đặng Văn H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản, nợ chung: Tách phần tài sản chung, công nợ chung vợ chồng (nếu có) để giải quyết sau ly hôn khi anh H có yêu cầu và đủ điều kiện khởi kiện về chia tài sản chung, công nợ chung vợ chồng.

5. Về án phí hôn nhân sơ thẩm: chị Nguyễn Thị T phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0038848 ngày 25/3/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mỹ Đức, Thành phố Hà Nội.

Án xử công khai sơ thẩm, nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Nơi nhận:

- TANDTP. Hà Nội;
- VKSND huyện Mỹ Đức;
- Chi cục THADS huyện Mỹ Đức;
- UBND xã An Phú;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Bùi Thị Hồng